

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ BÌNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ BÌNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HA BINH CONSULING AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HA BINH C&C.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300894954

**3. Ngày thành lập:** 04/09/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

NR: Ông Hoàng Tiến Tú, thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0912026477

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                           | Mã ngành                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                   | 4312                                                         |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                      | 4330                                                         |
| 3.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                              | 4311                                                         |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                 | 4662                                                         |
| 5.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                          | 4290                                                         |
| 6.  | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                       | 2393                                                         |
| 7.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                           | 4210(Chính)                                                  |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                        | 4220                                                         |
| 9.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                               | 4100                                                         |
| 10. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                      | 4329                                                         |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                             | 4663                                                         |
| 12. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                      | 2022                                                         |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                     | 4322                                                         |
| 14. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                            | 4773                                                         |
| 15. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                 | 7110                                                         |
| 16. | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                               | 2392                                                         |
| 17. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                               | 4321                                                         |
| 18. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                 | 4390                                                         |
| 19. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                | 4752                                                         |
| 20. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                      | 7410                                                         |
| 21. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                            | 2395                                                         |
| 22. | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                  | 2394                                                         |
| 23. | Ghi chú: (Đối với ngành, nghề kinh doanh có điều kiện thì doanh nghiệp chỉ được kinh doanh ngành nghề đó khi đủ điều kiện kinh doanh. Doanh nghiệp phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật) | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông        | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | HOÀNG TIẾN TÚ      | Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 72.000     | 720.000.000           | 40        | 125184903                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 72.000     | 720.000.000           | 40        |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THỊ THU MAI | Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 54.000     | 540.000.000           | 30        | 125034101                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 54.000     | 540.000.000           | 30        |                                                                                             |         |
| 3   | HOÀNG LAN HƯƠNG    | Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam                  | Cổ phần phổ thông | 54.000     | 540.000.000           | 30        | 125594227                                                                                   |         |
|     |                    |                                                                                      | Tổng số           | 54.000     | 540.000.000           | 30        |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: HOÀNG TIẾN TÚ

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 16/11/1970

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125184903

Ngày cấp: 29/09/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Thôn Hà Liễu, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh